

Số: /QĐ-UBND

An Giang, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Chương trình phát triển tài sản trí tuệ
trên địa bàn tỉnh An Giang đến năm 2030

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29 tháng 11 năm 2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19 tháng 6 năm 2009; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14 tháng 6 năm 2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16 tháng 6 năm 2022; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung, cập nhật Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 03 tháng 10 năm 2025 Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh An Giang nhiệm kỳ 2025-2030;

Căn cứ Nghị định số 268/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về đổi mới sáng tạo; khuyến khích hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp; công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo, hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo; công nhận cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; hạ tầng, mạng lưới và hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo;

Căn cứ Quyết định số 1068/QĐ-TTg ngày 22 tháng 8 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược sở hữu trí tuệ đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 2205/QĐ-TTg ngày 24 tháng 12 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHCN ngày 11 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030;

Căn cứ Thông tư số 75/2021/TT-BTC ngày 09 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý tài chính thực hiện Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030;

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BKHCN ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Chương trình hành động số 02-CTr/ĐU ngày 12 tháng 9 năm 2025 của Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ Ủy ban nhân dân tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030;

Căn cứ Chương trình hành động số 16-CTr/TU ngày 05 tháng 3 năm 2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030 và Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng;

Căn cứ Quyết định số 252/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc giao nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh An Giang năm 2026.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 1612/TTr-SKHCN ngày 24 tháng 3 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chương trình phát triển tài sản trí tuệ trên địa bàn tỉnh An Giang đến năm 2030 (*Chương trình chi tiết đính kèm*).

Điều 2. Giao Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện, định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành và thay thế các Quyết định: Quyết định số 2338/QĐ-UBND ngày 21 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang thực hiện Chương trình Phát triển tài sản trí tuệ trên địa bàn tỉnh An Giang; Quyết định số 3040/QĐ-UBND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc phê duyệt Chương trình phát triển tài sản trí tuệ trên địa bàn tỉnh Kiên Giang đến năm 2030.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Thủ trưởng sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu; các tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Cục SHTT (Bộ Khoa học và Công nghệ);
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Sở, ban, ngành tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- UBND xã, phường, đặc khu;
- Báo và Phát thanh - Truyền hình An Giang;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Phòng KGVX;
- Lưu: VT, ntgiang.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Phong

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN TÀI SẢN TRÍ TUỆ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH AN GIANG ĐẾN NĂM 2030

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

I. SỰ CẦN THIẾT

Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 2205/QĐ-TTg ngày 24 tháng 12 năm 2020. Trong giai đoạn 2021 – 2025, việc triển khai Chương trình phát triển tài sản trí tuệ trên địa bàn tỉnh An Giang và tỉnh Kiên Giang (trước khi sáp nhập) đã đạt được một số kết quả tích cực. Nhận thức của các cấp, các ngành, doanh nghiệp và người dân về vai trò của sở hữu trí tuệ (SHTT) từng bước được nâng cao; số lượng đơn đăng ký bảo hộ nhãn hiệu, kiểu dáng công nghiệp và giống cây trồng có xu hướng tăng; nhiều sản phẩm chủ lực, đặc sản địa phương, sản phẩm OCOP đã được hỗ trợ xây dựng, đăng ký bảo hộ và từng bước khai thác, phát triển tài sản trí tuệ gắn với xây dựng thương hiệu, mở rộng thị trường tiêu thụ. Công tác quản lý nhà nước về SHTT từng bước được củng cố; hoạt động tuyên truyền, tập huấn, hỗ trợ tra cứu thông tin và xác lập quyền SHTT cho doanh nghiệp, hợp tác xã và cơ sở sản xuất, kinh doanh được quan tâm triển khai.

Bên cạnh những kết quả đạt được, Báo cáo tổng kết giai đoạn 2021 – 2025 cho thấy hoạt động phát triển tài sản trí tuệ trên địa bàn vẫn còn một số hạn chế như: số lượng tài sản trí tuệ được tạo lập và khai thác thương mại chưa tương xứng với tiềm năng; việc liên kết giữa nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo với sản xuất, kinh doanh còn chưa chặt chẽ; năng lực quản trị tài sản trí tuệ của nhiều doanh nghiệp, hợp tác xã còn hạn chế; hoạt động khai thác, phát triển các sản phẩm đã được bảo hộ (chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể) chưa đồng đều; nguồn lực đầu tư cho phát triển tài sản trí tuệ còn phân tán; việc ứng dụng công nghệ số trong quản lý, khai thác và bảo vệ quyền SHTT cần tiếp tục được tăng cường. Công tác phối hợp liên ngành trong thực thi và bảo vệ quyền SHTT, nhất là trên môi trường số và trong thương mại điện tử, vẫn cần được nâng cao hiệu quả.

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng, cạnh tranh về chất lượng, thương hiệu và giá trị gia tăng của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ ngày

càng gay gắt; đồng thời yêu cầu chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo và phát triển kinh tế tri thức đặt ra ngày càng cao, việc tiếp tục triển khai Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030 là hết sức cần thiết. Đặc biệt, việc thực hiện Nghị quyết số 202/2025/QH15 của Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, hình thành tỉnh An Giang mới trên cơ sở sáp nhập tỉnh An Giang và tỉnh Kiên Giang đòi hỏi phải xây dựng một chương trình phát triển tài sản trí tuệ thống nhất, kế thừa kết quả đã đạt được, đồng thời khắc phục những tồn tại, hạn chế của giai đoạn trước.

Việc ban hành Chương trình phát triển tài sản trí tuệ trên địa bàn tỉnh An Giang đến năm 2030 nhằm tiếp tục cụ thể hóa Quyết định số 2205/QĐ-TTg ngày 24 tháng 12 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ; tạo cơ sở để hỗ trợ tạo lập, bảo hộ, quản lý và phát triển tài sản trí tuệ cho các sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc thù, sản phẩm OCOP và sản phẩm đổi mới sáng tạo của tỉnh sau sáp nhập; góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh, giá trị gia tăng và phát triển bền vững kinh tế-xã hội của tỉnh trong giai đoạn mới. Đồng thời, Chương trình sẽ thúc đẩy gắn kết hoạt động khoa học và công nghệ với sản xuất, kinh doanh; tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, tạo môi trường kinh doanh minh bạch, lành mạnh và hội nhập.

II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Cụ thể hóa chủ trương của Chính phủ về phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030; bảo đảm sự thống nhất, kế thừa và phát triển các chương trình phát triển tài sản trí tuệ của tỉnh An Giang và tỉnh Kiên Giang trước khi sáp nhập.

b) Tạo chuyển biến rõ nét về nhận thức và hành động của các cấp, các ngành, doanh nghiệp và người dân trong việc tạo lập, bảo hộ, khai thác và phát triển tài sản trí tuệ; đưa sở hữu trí tuệ trở thành công cụ quan trọng phục vụ phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh.

c) Hỗ trợ xây dựng, bảo hộ và phát triển các tài sản trí tuệ đối với sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc thù, sản phẩm OCOP, sản phẩm làng nghề và sản phẩm đổi mới sáng tạo của tỉnh; góp phần nâng cao giá trị gia tăng, khả năng cạnh tranh và mở rộng thị trường tiêu thụ.

d) Tăng cường liên kết giữa hoạt động khoa học và công nghệ với sản xuất, kinh doanh; thúc đẩy đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số thông qua việc khai thác hiệu quả tài sản trí tuệ.

đ) Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân; góp phần xây dựng môi trường kinh doanh lành mạnh, minh bạch, hội nhập và phát triển bền vững.

2. Yêu cầu

a) Bảo đảm phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về sở hữu trí tuệ, khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo và phát triển kinh tế-xã hội; gắn với chiến lược phát triển của tỉnh An Giang sau sáp nhập.

b) Các nhiệm vụ, giải pháp của Chương trình phải thiết thực, khả thi, có trọng tâm, trọng điểm; ưu tiên hỗ trợ các sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc thù, sản phẩm OCOP và các ngành, lĩnh vực có lợi thế của tỉnh.

c) Bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ, đồng bộ giữa các sở, ban, ngành, địa phương và các tổ chức liên quan trong quá trình triển khai thực hiện; phân công rõ trách nhiệm, gắn với đánh giá kết quả thực hiện.

d) Tăng cường ứng dụng công nghệ số, chuyển đổi số trong quản lý, khai thác và bảo vệ tài sản trí tuệ; bảo đảm kết nối, chia sẻ dữ liệu và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước.

đ) Thường xuyên theo dõi, đánh giá, sơ kết, tổng kết việc thực hiện Chương trình; kịp thời điều chỉnh, bổ sung nội dung cho phù hợp với tình hình thực tế và yêu cầu phát triển của tỉnh trong từng giai đoạn.

III. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

a) Tiếp tục đưa SHTT trở thành công cụ quan trọng nâng cao năng lực cạnh tranh cho các sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ của tỉnh; tạo môi trường khuyến khích đổi mới sáng tạo và phát triển kinh tế, xã hội.

b) Thúc đẩy và nâng cao hiệu quả bảo hộ, khai thác và phát triển tài sản trí tuệ của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh.

c) Gắn kết SHTT với quá trình chuyển đổi số của chính quyền, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh; sử dụng công nghệ số để tăng cường hoạt động quản lý nhà nước về SHTT cũng như bảo vệ tài sản trí tuệ của doanh nghiệp, người dân trên môi trường số.

2. Mục tiêu cụ thể:

a) Tuyên truyền, nâng cao nhận thức, đào tạo, tập huấn về sở hữu trí tuệ trên 3.000 lượt đại biểu là đại diện Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc

khu, các tổ chức đoàn thể, các hội, viện, trường, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân, cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

b) Số lượng đơn đăng ký và văn bằng bảo hộ sáng chế tăng trung bình 8%/năm, tỷ lệ khai thác thương mại đạt từ 6%.

c) Số lượng đơn đăng ký nhãn hiệu tăng trung bình 8 – 10%/năm; đơn đăng ký bảo hộ giống cây trồng tăng trung bình 12 – 14%

d) Hỗ trợ đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ trong và ngoài nước đối với sáng chế, kiểu dáng công nghiệp và nhãn hiệu; đăng ký bảo hộ, công nhận giống cây trồng mới (ít nhất từ 500 đơn hoặc văn bằng)

đ) Hỗ trợ đăng ký và tạo lập dưới hình thức chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể cho 08 – 10 sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc thù, có lợi thế, sản phẩm làng nghề, sản phẩm OCOP và sản phẩm của doanh nghiệp đổi mới sáng tạo của tỉnh.

e) Hỗ trợ khai thác, quản lý và phát triển cho từ 08 – 10 chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể, sáng chế đã được bảo hộ.

g) Tối thiểu 60% sản phẩm được công nhận là sản phẩm, dịch vụ chủ lực, đặc thù của tỉnh, sản phẩm gắn với Chương trình OCOP tỉnh An Giang được hỗ trợ đăng ký bảo hộ, quản lý và phát triển tài sản trí tuệ, kiểm soát nguồn gốc và chất lượng sau khi được bảo hộ.

IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Tăng cường các hoạt động tạo ra tài sản trí tuệ, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực về đổi mới sáng tạo và SHTT

a) Hỗ trợ tra cứu, khai thác thông tin sở hữu trí tuệ cho các tổ chức khoa học và công nghệ, doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo nhằm tạo ra các tài sản trí tuệ được bảo hộ và bài báo khoa học có tính ứng dụng cao.

b) Xây dựng và triển khai các chương trình tập huấn, đào tạo từ cơ bản đến chuyên sâu về sở hữu trí tuệ phù hợp với từng nhóm đối tượng.

c) Tăng cường các hoạt động đổi mới sáng tạo, ươm tạo các tài sản trí tuệ từ khâu hình thành ý tưởng, nghiên cứu, phát triển tài sản trí tuệ đến sản xuất thử nghiệm, hình thành doanh nghiệp khởi nghiệp; hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp hoàn thiện công nghệ, tạo ra sản phẩm, dịch vụ có giá trị gia tăng cao; khuyến khích hình thành và phát triển các tổ chức cung cấp dịch vụ phân tích thông tin sáng chế và dự báo xu hướng phát triển công nghệ.

d) Tập trung đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của các cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ.

2. Thúc đẩy đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ

a) Hỗ trợ tổ chức, cá nhân đăng ký bảo hộ trong và ngoài nước đối với sáng chế, kiểu dáng công nghiệp và nhãn hiệu; đăng ký bảo hộ, công nhận giống cây trồng mới.

b) Hỗ trợ đăng ký bảo hộ chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể cho các sản phẩm, dịch vụ chủ lực, đặc thù và sản phẩm gắn với Chương trình OCOP của tỉnh.

c) Hỗ trợ xây dựng hệ thống nhận diện thương hiệu cho các sản phẩm đặc trưng của địa phương, sản phẩm OCOP.

3. Nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác và phát triển tài sản trí tuệ

a) Xây dựng và triển khai hệ thống quản lý chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể và sản phẩm thuộc Chương trình OCOP của tỉnh gắn với đăng ký mã số vùng trồng, an toàn thực phẩm, chứng nhận chất lượng và xác thực, truy xuất nguồn gốc sản phẩm được bảo hộ.

b) Khai thác, phát triển chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể và sản phẩm gắn với Chương trình OCOP của tỉnh theo hướng hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm được bảo hộ theo chuỗi giá trị; chú trọng phát huy giá trị nhãn hiệu chứng nhận An Giang, góp phần gia tăng giá trị sản phẩm, mở rộng thị trường và nâng cao năng lực cạnh tranh. Giới thiệu, quảng bá và triển khai các hoạt động xúc tiến thương mại nhằm khai thác, phát triển giá trị các tài sản trí tuệ hỗ trợ đưa sản phẩm đã được bảo hộ lên sàn thương mại điện tử; kết nối xúc tiến thương mại.

c) Hỗ trợ triển khai thực hiện quy định về quản lý và sử dụng biểu tượng chỉ dẫn địa lý quốc gia ở trong và ngoài nước theo hướng dẫn của Trung ương.

d) Hỗ trợ tổ chức, doanh nghiệp khai thác sáng chế, giải pháp hữu ích của Việt Nam được bảo hộ, sáng chế của nước ngoài không được bảo hộ hoặc hết thời hạn bảo hộ tại Việt Nam.

đ) Hỗ trợ quản trị tài sản trí tuệ cho doanh nghiệp và tổ chức khoa học và công nghệ. Hỗ trợ tư vấn định giá, kiểm toán tài sản trí tuệ, tập trung vào các đối tượng là sáng chế, tên thương mại và nhãn hiệu.

e) Hỗ trợ hình thành và phát triển mạng lưới chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ tại các viện nghiên cứu, trường đại học và doanh nghiệp nhằm thúc đẩy việc tạo ra và khai thác tài sản trí tuệ.

g) Hỗ trợ các viện nghiên cứu, trường đại học thành lập doanh nghiệp dựa trên sáng chế để khai thác quyền sở hữu trí tuệ, rút ngắn quá trình ứng dụng kết quả nghiên cứu vào sản xuất, kinh doanh.

4. Thúc đẩy và tăng cường hiệu quả thực thi và chống xâm phạm quyền SHTT

a) Tăng cường phối hợp giữa các cơ quan hành chính nhà nước với nhau và với cơ quan tư pháp trong việc bảo vệ quyền SHTT; tích cực và chủ động phát hiện, phòng ngừa đấu tranh chống tội phạm về SHTT nhất là hành vi xâm phạm trong môi trường số; khuyến khích giải quyết các tranh chấp về SHTT bằng hình thức trọng tài, hòa giải.

b) Hỗ trợ triển khai các biện pháp bảo vệ và nâng cao hiệu quả hoạt động thực thi quyền SHTT; đặc biệt là kiểm soát hàng hóa xuất, nhập khẩu liên quan đến SHTT.

c) Tổ chức trưng bày, giới thiệu, triển lãm sản phẩm được bảo hộ quyền SHTT cùng với các sản phẩm xâm phạm quyền SHTT.

5. Nâng cao năng lực các tổ chức trung gian và chủ thể quyền SHTT

a) Nâng cao năng lực của tổ chức trung gian tham gia hoạt động kiểm soát, quản lý các sản phẩm được bảo hộ chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể.

b) Nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động của chủ thể quản lý và sử dụng chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể và giống cây trồng: Tổ chức đại diện, quản lý và chủ sở hữu quyền tác giả, quyền liên quan.

c) Phát triển dịch vụ giám định về sở hữu trí tuệ, dịch vụ tư vấn về quản trị, phát triển tài sản trí tuệ của doanh nghiệp, viện nghiên cứu và Trường đại học.

6. Hình thành, tạo dựng văn hóa SHTT trong xã hội

a) Tăng cường tuyên truyền pháp luật, các quy định của nhà nước về SHTT và thủ tục đăng ký bảo hộ quyền SHTT, chính sách hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ trên các phương tiện thông tin đại chúng (báo, đài phát thanh, truyền hình, bản tin, website, treo băng rôn, truyền thông mạng xã hội,...); khuyến khích các hoạt động hội thảo, cuộc thi, sự kiện truyền thông về SHTT và văn hóa SHTT. Đa dạng hóa trong tổ chức các sự kiện chào mừng ngày SHTT thế giới hàng năm...nhằm nâng cao nhận thức về SHTT, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và xây dựng ý thức, trách nhiệm tôn trọng và bảo vệ quyền SHTT, hình thành văn hóa SHTT trong xã hội.

b) Biên soạn, phát hành tài liệu về sở hữu trí tuệ (tờ gấp, cẩm nang, sổ tay hướng dẫn từng đối tượng SHTT,...).

c) Vinh danh, khen thưởng đối với các tập thể, cá nhân có thành tích trong hoạt động SHTT.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện Chương trình được đảm bảo từ các nguồn: Vốn sự nghiệp khoa học công nghệ hàng năm được giao cho Sở Khoa học và Công nghệ, kinh phí sự nghiệp của các ngành, địa phương; vốn doanh nghiệp và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác.

2. Đối với 02 nhiệm vụ khoa học và công nghệ từ năm 2025 tiếp tục phê duyệt tổ chức thực hiện theo đúng quy định:

a) Nhiệm vụ: “Quản lý và phát triển nhãn hiệu tập thể Tôm khô Hà Tiên”

b) Nhiệm vụ: “Xây dựng Nhãn hiệu chứng nhận Chả cá Phú Quốc cho sản phẩm Chả cá của đặc khu Phú Quốc, tỉnh An Giang”

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu và các tổ chức, cá nhân liên quan tổ chức triển khai các nội dung của Chương trình xem xét, quyết định theo thẩm quyền các quy định pháp luật liên quan đối với những nhiệm vụ thuộc Chương trình phát triển tài sản trí tuệ của tỉnh.

b) Tổ chức quản lý Chương trình theo các quy định hiện hành về quản lý nhiệm vụ và tài chính đối với Chương trình; theo thẩm quyền, hàng năm, xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí thực hiện Chương trình tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, thực hiện quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí theo đúng quy định hiện hành.

c) Thực hiện theo dõi, kiểm tra, giám sát và đánh giá định kỳ hằng năm, giữa kỳ và tổng kết; tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh. Tổ chức sơ kết Chương trình vào năm 2028 và tổng kết Chương trình vào năm 2030.

2. Sở Tài chính

Trên cơ sở kế hoạch được duyệt hàng năm, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ căn cứ khả năng cân đối ngân sách tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí triển khai thực hiện.

3. Sở Công Thương

Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ đề xuất các nhiệm vụ hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ đối với các sản phẩm công nghiệp; tăng cường công tác quản lý, kiểm tra, xử lý các hành vi vi phạm về sở hữu trí tuệ trên địa bàn tỉnh gắn với bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; đẩy mạnh xúc tiến thương mại, kết nối cung cầu, hỗ trợ xây dựng, phát triển và quảng bá thương hiệu sản phẩm của tỉnh.

4. Sở Nông nghiệp và Môi trường

Phối hợp quản lý hoạt động đăng ký bảo hộ giống cây trồng; đề xuất, xác định các nhiệm vụ hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ cho các sản phẩm nông nghiệp, sản phẩm làng nghề chủ lực, đặc thù, có lợi thế gắn với Chương trình OCOP từng bước xây dựng, nâng cao thương hiệu sản phẩm nông lâm thủy sản và các sản phẩm làng nghề tỉnh An Giang.

5. Sở Du lịch: Tham gia phối hợp trong công tác quảng bá, phát triển sản phẩm du lịch gắn với thương hiệu địa phương.

6. Báo và Phát thanh - Truyền hình An Giang

Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ thông tin, tuyên truyền nội dung và kết quả thực hiện Chương trình phù hợp với xu hướng và tình hình mới.

7. Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu

Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức triển khai thực hiện các nội dung Chương trình tại địa phương. Lồng ghép các chương trình, kế hoạch, dự án của ngành để triển khai thực hiện các mục tiêu của Chương trình trong phạm vi, trách nhiệm quản lý của địa phương. Thường xuyên rà soát, bổ sung danh mục sản phẩm đặc trưng, chủ lực, sản phẩm OCOP của địa phương gửi Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện hỗ trợ các thủ tục về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ. Lồng ghép, tổ chức hoạt động thông tin, tuyên truyền về Chương trình, vận động doanh nghiệp tham gia Chương trình và hỗ trợ thực hiện đăng ký bảo hộ, quản lý, khai thác, phát triển tài sản trí tuệ của địa phương.

8. Các Sở, ban, ngành liên quan

Phối hợp Sở Khoa học và Công nghệ tuyên truyền, phổ biến và cung cấp thông tin về Chương trình đến các tổ chức, cá nhân thuộc phạm vi quản lý tham gia Chương trình.

PHỤ LỤC

NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN TÀI SẢN TRÍ TUỆ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH AN GIANG ĐẾN NĂM 2030

(Kèm theo Quyết định số: _____/QĐ-UBND ngày _____ tháng _____ năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

STT	Nội dung công việc/Nhiệm vụ	Chỉ tiêu định lượng giai đoạn 2026 – 2030	Cơ quan/Đơn vị chủ trì	Cơ quan/Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
1.	Tổ chức đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ về tài sản trí tuệ và văn hóa sở hữu trí tuệ, về tra cứu và hướng dẫn đăng ký sáng chế, giải pháp hữu ích, nhãn hiệu.	Trên 3.000 lượt đại biểu	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Viện, Trung tâm thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ, Cục Sở hữu trí tuệ, sở, ngành, các Trường đại học, cao đẳng, UBND xã, phường, đặc khu, các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp	2026 – 2030
2.	Tham gia các khoá đào tạo, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ do Bộ Khoa học và Công nghệ, Cục Sở hữu trí tuệ tổ chức	Từ 10-15 lớp	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, các Trường đại học, cao đẳng, UBND các xã, phường, đặc khu	2026 – 2030
3.	Hỗ trợ đăng ký bảo hộ trong và ngoài nước đối với sáng chế, kiểu dáng công nghiệp và nhãn hiệu; đăng ký bảo hộ, công nhận giống cây trồng mới	Ít nhất từ 500 đơn hoặc văn bằng bảo hộ sáng chế, kiểu dáng công nghiệp và nhãn hiệu; đăng ký	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, các Trường đại học, cao đẳng, UBND xã, phường, đặc khu, các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp	2026 – 2030

STT	Nội dung công việc/Nhiệm vụ	Chỉ tiêu định lượng giai đoạn 2026 – 2030	Cơ quan/Đơn vị chủ trì	Cơ quan/Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
		bảo hộ, công nhận giống cây trồng mới			
4.	Hỗ trợ triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ phục vụ phát triển tài sản trí tuệ: tra cứu, khai thác thông tin SHTT; ươm tạo, phát triển tài sản trí tuệ; hỗ trợ đăng ký bảo hộ; khai thác, phát triển các tài sản trí tuệ đã được bảo hộ; thúc đẩy liên kết sản xuất, tiêu thụ và xúc tiến thương mại sản phẩm...	16-20 nhiệm vụ	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, các Trường đại học, cao đẳng, UBND xã, phường, đặc khu, tổ chức đại diện sở hữu công nghiệp, các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp	2026 – 2030
5.	Tổ chức trưng bày, giới thiệu, triển lãm sản phẩm được bảo hộ quyền SHTT cùng với các sản phẩm xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ	05-10 cuộc	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, các Trường đại học, cao đẳng, UBND xã, phường, đặc khu, các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp	2026 – 2030
6.	Tổ chức các cuộc Tọa đàm, Hội thảo, Hội nghị nhằm xây dựng, sửa đổi, bổ sung các văn bản quản lý, cơ chế, chính sách của tỉnh để quản lý, triển khai hiệu quả Chương trình	05-10 cuộc	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, UBND xã, phường, đặc khu; trường Đại học, Cao đẳng tổ chức khoa học công nghệ, tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp	2026 – 2030

STT	Nội dung công việc/Nhiệm vụ	Chỉ tiêu định lượng giai đoạn 2026 – 2030	Cơ quan/Đơn vị chủ trì	Cơ quan/Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
7.	Tổ chức các hoạt động trao đổi kinh nghiệm xây dựng, quản lý, phát triển tài sản trí tuệ đối với các đặc sản giữa các địa phương trong và ngoài tỉnh	05-10 cuộc	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, UBND xã, phường, đặc khu; trường Đại học, Cao đẳng tổ chức khoa học công nghệ, tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp	2026 – 2030
8.	Tổ chức khảo sát, lập và bổ sung danh mục các đặc sản, sản phẩm làng nghề, sản phẩm chủ lực của tỉnh; thu thập thông tin, xây dựng đề cương dự án đề xuất tham gia Chương trình phát triển tài sản trí tuệ ở trung ương	05-10 cuộc	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, UBND xã, phường, đặc khu, tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp	2026 – 2030
9.	Tuyên truyền, nâng cao nhận thức về sở hữu trí tuệ trên các phương tiện thông tin đại chúng nhằm thúc đẩy đổi mới sáng tạo và xây dựng ý thức, trách nhiệm tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ thông qua nhiều hình thức: Chuyên mục tuyên truyền, phổ biến kiến thức về sở hữu trí tuệ; giới thiệu, quảng bá và phát triển tài sản trí tuệ; tổ chức các sự kiện sở hữu trí tuệ	Tối thiểu 20-30 bài viết/phóng sự/chuyên đề/năm	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, UBND xã, phường, đặc khu; trường Đại học, Cao đẳng tổ chức khoa học công nghệ, tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp, Báo và Phát thanh - Truyền hình An Giang	2026 – 2030

STT	Nội dung công việc/Nhiệm vụ	Chỉ tiêu định lượng giai đoạn 2026 – 2030	Cơ quan/Đơn vị chủ trì	Cơ quan/Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
	hàng năm trên địa bàn tỉnh nhân ngày Sở hữu trí tuệ thế giới...				
10.	Vinh danh, khen thưởng đối với các tập thể, cá nhân có thành tích trong hoạt động sở hữu trí tuệ	02 đợt (dịp sơ kết và tổng kết)	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, UBND xã, phường, đặc khu; trường Đại học, Cao đẳng tổ chức khoa học công nghệ, tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp	2026 – 2030
11.	Tổ chức các cuộc Họp: (Tư vấn xác định danh mục nhiệm vụ; đặt hàng, tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ; kiểm tra, đánh giá nghiệm thu; phổ biến nhân rộng kết quả...)	50-60 cuộc	Sở Khoa học và Công nghệ	Chuyên gia SHTT, sở, ngành, UBND xã, phường, đặc khu; trường Đại học, Cao đẳng tổ chức khoa học công nghệ, tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp	2026 – 2030
12.	Tổ chức Hội thảo sơ kết và tổng kết Chương trình	02 cuộc	Sở Khoa học và Công nghệ	Chuyên gia SHTT, sở, ngành, UBND xã, phường, đặc khu; trường Đại học, Cao đẳng tổ chức khoa học công nghệ, tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp	2026 – 2030